

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAN LỘC
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HS-ST

Ngày: 19/6/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Quốc Linh

Ông Dương Văn Nhạ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Hảo – Thư ký Tòa
án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 16/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 22/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 109/2024/TB-HS ngày 11/6/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Minh Đ**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 18/4/1996; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: **thôn Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1971, nghề nghiệp: lao động tự do và bà: **Trần Thị P**, sinh năm: 1972, nghề nghiệp: lao động tự do, đều trú tại **thôn Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**; **A**, chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ hai; Vợ: **Trần Thị Q**, sinh năm: 1997, nghề nghiệp: lao động tự do; Con: 01 đứa sinh năm 2021; Vợ, con đều trú tại **thôn Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**; Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 26/01/2024 đến nay, hiện trú tại **thôn Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**; có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Trần Thị A**, sinh năm 1997; nghề nghiệp: kinh doanh; địa chỉ: **thôn Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1986; nghề nghiệp: lao động tự do; địa chỉ: **Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chị **Nguyễn Thị Hoài T**, sinh năm 1992; nghề nghiệp: làm ruộng; địa

chỉ: Thôn Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

4. Chị Trần Thị Q, sinh năm 1997; nghề nghiệp: lao động tự do; địa chỉ: Thôn Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

* Người làm chứng: Chị Trần Thị T1, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh Đ làm nghề kinh doanh buôn bán hàng tạp hóa và thức ăn chăn nuôi gia súc tại nhà ở thôn Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, có nhiều người đến quán muốn vay tiền nhanh chóng để phục vụ nhu cầu cá nhân nên Nguyễn Minh Đ nảy sinh ý định cho người khác vay tiền với lãi suất cao. Trong thời gian từ 19/01/2023 đến thời điểm bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C phát hiện (ngày 23/01/2024), Nguyễn Minh Đ đã cho Trần Thị A, Nguyễn Thị Hoài T và Nguyễn Thị L vay tổng số tiền 240.000.000đ với lãi suất cao hơn gấp 5 lần của mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/01 năm), thu lợi bất chính số tiền 133.501.026 đồng. Cụ thể như sau:

- Hành vi cho Nguyễn Thị L vay tiền: Vào ngày 19/01/2023, do cần tiền để phục vụ sinh hoạt gia đình, Nguyễn Thị L sử dụng ứng dụng zalo tài khoản “Nguyễn L” nhắn tin vào zalo tài khoản “Minh Đức” của Nguyễn Minh Đ hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng, Đ đồng ý và tính lãi suất 5.000/1.000.000 đồng/1 ngày, tính lãi theo ngày, chốt lãi theo tháng, mỗi tháng tính 30 ngày (kể cả tháng có 28 hay 31 ngày). Đ sử dụng tài khoản ngân hàng V số 0201000628461 mang tên Nguyễn Minh Đ chuyển vào tài khoản ngân hàng N số 3710215028284 mang tên Nguyễn Thị L số tiền 10.000.000 đồng. Hàng tháng, L trả cho Đ số tiền lãi là 1.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi theo cam kết L phải trả cho Đ đến ngày 23/01/2024 là 18.200.000 đồng. Tuy nhiên, L đã trả lãi cho Đ đến ngày 19/01/2024 số tiền là 18.000.000 đồng (chưa thu được số tiền lãi 200.000 đồng do bị phát hiện). Đ thu lợi bất chính số tiền 16.205.478 đồng. L đã trả số tiền vay là 10.000.000 đồng.

- Hành vi cho Nguyễn Thị Hoài T vay tiền:

+ Ngày 14/2/2023, để cần tiền phục vụ gia đình, Nguyễn Thị Hoài T sử dụng số điện thoại 0989344976 gọi đến số điện thoại 0372386789 của Nguyễn Minh Đ để hỏi vay số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Đ đồng ý và tính lãi suất 10%/01 tháng tức 120%/01 năm, tính 01 tháng là 30 ngày (kể cả tháng có 28 ngày hay 31 ngày). Đ sử dụng tài khoản mang tên Nguyễn Minh Đ mở tại ngân hàng V số 0201000628461 chuyển đến tài khoản ngân hàng V số 1014002572 mang tên Nguyễn Thị Hoài T số tiền 15.000.000 đồng. Hàng tháng, T trả cho Đ số tiền lãi là 1.500.000 đồng. Lãi thực tế L phải trả cho Đ đến ngày 23/01/2024 là 16.950.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 14/01/2024, T đã trả lãi số tiền 16.500.000 đồng (chưa thu được số tiền lãi 450.000 đồng do bị phát hiện), Đ thu lợi bất chính số tiền 14.163.699 đồng. T chưa trả số tiền vay là 15.000.000 đồng.

+ Ngày 17/03/2023, **T** tiếp tục liên hệ và vay **Đ** số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). **Đ** đồng ý và tính lãi suất 15%/01 tháng tức 180%/01 năm, tính 01 tháng là 30 ngày (kể cả tháng có 29 hay 31 ngày). **Đ** sử dụng tài khoản mang tên **Nguyễn Minh Đ** mở tại **ngân hàng V** số 0201000628461 chuyển đến tài khoản **ngân hàng V** số 1014002572 mang tên **Nguyễn Thị Hoài T** số tiền 20.000.000 đồng. Hàng tháng, **T** trả cho **Đ** số tiền lãi là 3.000.000 đồng. Lãi thực tế **L** phải trả cho **Đ** đến ngày 23/01/2024 (thời điểm bị phát hiện) là 30.600.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 17/01/2024, **T** đã trả lãi với số tiền 30.000.000 đồng (chưa thu được số tiền lãi 600.000 đồng do bị phát hiện), **Đ** thu lợi bất chính số tiền 27.246.575 đồng. **T** chưa trả số tiền vay là 20.000.000 đồng.

+ Ngày 31/5/2023, **T** tiếp tục liên hệ và vay **Đ** số tiền 25.000.000 đồng. **Đ** đồng ý và tính lãi 15%/01 tháng, tức 180%/01 năm, tính 01 tháng là 30 ngày (kể cả tháng có 29 ngày hay 31 ngày). **Đ** sử dụng tài khoản mang tên **Nguyễn Minh Đ** mở tại **ngân hàng V** số 0201000628461 chuyển đến tài khoản **ngân hàng V** số 1014002572 mang tên **Nguyễn Thị Hoài T** số tiền 25.000.000 đồng. Hàng tháng, **T** trả cho **Đ** số tiền lãi là 3.750.000 đồng. Đến ngày 01/01/2024, **T** trả cho **Đ** tổng số tiền lãi của khoản vay là 26.250.000 đồng. Tổng tiền lãi tính đến ngày 23/01/2024 là 29.125.000 đồng (chưa thu được số tiền lãi 2.875.000 đồng do bị phát hiện). **Đ** thu lợi bất chính số tiền 25.933.219 đồng. **T** chưa trả số tiền vay là 25.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi theo cam kết **Nguyễn Thị Hoài T** phải trả cho **Nguyễn Minh Đ** đến ngày 23/01/2024 (thời điểm bị phát hiện) là: 76.675.000 đồng. Số tiền lãi thực tế **L** đã trả cho **Đ** là 72.750.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định pháp luật là 9.331.507 đồng (không quá 20%/năm). **Đ** thu lợi bất chính số tiền: 67.343.493 đồng. Tiền gốc 60.000.000 đồng cho 03 lần vay **T** chưa trả cho **Nguyễn Minh Đ**.

- Hành vi cho **Trần Thị A** vay tiền: Do thiếu tiền kinh doanh may mặc, từ ngày 13/3/2023 đến ngày 03/01/2024, **Trần Thị A** đã sử dụng ứng dụng tin nhắn Messenger tài khoản Facebook "**Kim Anh T2**" được cài trên điện thoại di động Iphone 11 Promax màu trắng của Anh nhắn tin cho **Nguyễn Minh Đ** qua ứng dụng tin nhắn Messenger tài khoản Facebook "**Đ**" được cài trên điện thoại di động Iphone 12 Promax màu trắng của **Đ** để vay tiền. Lãi tính theo ngày, chốt lãi theo tháng, 01 tháng tính 30 ngày (kể cả tháng có 31 ngày hay 29 ngày), việc tính lãi kết thúc khi **Trần Thị A** thanh toán tiền gốc. Cụ thể:

+ Ngày 13/3/2023, Anh vay **Đ** số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. **Đ** sử dụng tài khoản **ngân hàng V** số 0201000628461 mang tên **Nguyễn Minh Đ** chuyển khoản vào tài khoản **ngân hàng N** số 3710939793979 mang tên **Trần Thị A** số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 24/03/2023, Anh trả khoản vay này cho **Đ**, Đức tính tổng 12 ngày lãi là 600.000 đồng. Anh chuyển khoản vào tài khoản trên của **Đ** tổng số tiền 10.600.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định pháp luật là 65.753 đồng, **Đ** đã thu lợi bất chính là 534.247 đồng.

+ Ngày 27/3/2023, Anh vay Đ số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đ sử dụng tài khoản V số 0201000628461 chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng N số 3710939793979 cho Trần Thị A số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 02/4/2023, Anh trả khoản vay này cho Đ, Đức tính tổng 07 ngày lãi là 700.000 đồng. Anh chuyển khoản vào tài khoản trên của Đ tổng số tiền 20.700.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định pháp luật là 76.712 đồng, Đ đã thu lợi bất chính là 623.288 đồng.

+ Ngày 03/4/2023, Anh vay Đ số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đ sử dụng tài khoản V số 0201000628461 chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng N số 3710939793979 cho Trần Thị A. Quá trình trả lãi như thoả thuận, mỗi tháng Anh trả Đ 2.250.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 03/01/2024, Anh trả khoản vay 15.000.000 đồng cho Đ. Tổng số tiền lãi mà A đã trả cho Đức tính trong 09 tháng (270 ngày) là 20.250.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định pháp luật là 2.219.178 đồng, Đ đã thu lợi bất chính là 18.030.822 đồng.

+ Ngày 08/4/2023, Anh vay Đ số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đ sử dụng tài khoản V số 0201000628461 chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng N số 3710939793979 cho Trần Thị A. Quá trình trả lãi như thoả thuận, mỗi tháng Anh trả Đ 1.500.000 tiền lãi. Đến ngày 03/01/2024, Anh trả khoản vay 10.000.000 đồng cho Đ. Tổng số tiền lãi mà A đã trả cho Đức tính trong 08 tháng 25 ngày (265 ngày) là 13.250.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định pháp luật là 1.452.055 đồng, Đ đã thu lợi bất chính là 11.797.945 đồng.

+ Ngày 15/4/2023, Anh vay Đ số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đ sử dụng tài khoản ngân hàng V số 0201000628461 mang tên Nguyễn Minh Đ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng N số 3710939793979 mang tên Trần Thị A số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 28/4/2023, Anh trả khoản vay 50.000.000 đồng cho Đ và tổng số 13 ngày lãi là 3.250.000 đồng. Anh chuyển khoản vào tài khoản trên của Đ tổng số tiền 53.250.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định pháp luật là 356.164 đồng, Đ đã thu lợi bất chính là 2.893.836 đồng.

+ Ngày 11/5/2023, Anh vay Đ số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đ sử dụng tài khoản ngân hàng V số 0201000628461 mang tên Nguyễn Minh Đ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng N số 3710939793979 mang tên Trần Thị A số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 12/6/2023, Anh trả khoản vay 20.000.000 đồng cho Đ và tổng số 13 ngày lãi là 3.200.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định pháp luật là 350.685 đồng, Đ đã thu lợi bất chính là 2.849.315 đồng.

+ Ngày 31/5/2023, Anh vay Đ số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đ sử dụng tài khoản ngân hàng V số 0201000628461 mang tên Nguyễn Minh Đ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng N số 3710939793979 mang tên Trần Thị A số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 22/7/2023, Anh trả khoản vay 10.000.000 đồng cho Đ và tổng số 52 ngày lãi với

số tiền 2.600.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định pháp luật là 284.932 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 2.315.068 đồng.

+ Ngày 12/7/2023, Anh vay Đ số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đ sử dụng tài khoản ngân hàng V số 0201000628461 mang tên Nguyễn Minh Đ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng N số 3710939793979 mang tên Trần Thị A số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 22/7/2023, Anh trả khoản vay 10.000.000 đồng cho Đ và tổng số 10 ngày lãi với số tiền 500.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định pháp luật là 54.795 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 445.205 đồng.

+ Ngày 15/8/2023, Anh vay Đ số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đ sử dụng tài khoản ngân hàng V số 0201000628461 mang tên Nguyễn Minh Đ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng N số 3710939793979 mang tên Trần Thị A số tiền 15.000.000 đồng. Quá trình trả lãi như thỏa thuận, mỗi tháng Anh trả Đ 2.250.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 03/01/2024, Anh trả khoản vay 15.000.000 đồng cho Đ. Tổng số tiền lãi mà A đã trả cho Đức tính trong 4 tháng 18 ngày (138 ngày) là 10.350.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định pháp luật là 1.134.247 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 9.215.753 đồng.

+ Ngày 22/8/2023, Anh vay Đ số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, Anh nhận tiền mặt số tiền trên. Ngày 20/9/2023, Anh trả khoản vay 10.000.000 đồng cho Đ và tổng số 28 ngày lãi với số tiền 1.400.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định pháp luật là 153.425 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 1.246.575 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi thực tế Anh đã trả cho Đ là 56.100.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định pháp luật (không quá 20%/năm) là 6.147.945 đồng. Đ thu lợi bất chính số tiền: 49.952.055 đồng. Anh đã trả đủ tiền gốc 170.000.000 đồng cho Đ.

* Về vật chứng: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra thu giữ các đồ vật, tài liệu:

- Thu giữ của Nguyễn Minh Đ: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu trắng, số Imei: 352850796286146, bên trong gắn thẻ sim số 0372.38.6789 và 01 Esim số 0376.368.696, đã qua sử dụng (bên trong cài đặt phần mềm banking 03 tài khoản ngân hàng gồm: 02 (hai) tài khoản ngân hàng Thương mại cổ phần N1 (V1) số tài khoản 0201000628461 và 9372386789 đều mang tên Nguyễn Minh Đ, 01 (một) tài khoản ngân hàng Thương mại cổ phần V2 mang tên Nguyễn Minh Đ. Phần mềm mạng xã hội Facebook messenger “Đ”, tài khoản Zalo “Minh Đ”).

- Thu giữ tại quầy tạp hóa của gia đình Nguyễn Minh Đ: 01 thẻ nhớ có chữ sandisk ultra 128GB micro màu trắng xám.

Xét thấy không ảnh hưởng đến công tác điều tra, truy tố, xét xử nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại 01 thẻ nhớ có chữ sandisk ultra 128GB micro màu trắng xám. Đối với các vật chứng thu giữ: 01 (một) chiếc điện

thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu trắng, số Imei: 352850796286146, bên trong gắn thẻ sim số 0372.386.789 và 01 Esim số 0376.368.696 được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Can Lộc.

* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Hoài T, Trần Thị A đều có yêu cầu Nguyễn Minh Đ trả lại số tiền thu lãi vượt quá theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, chị Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Hoài T và Trần Thị A có đơn đề nghị không nhận lại số tiền thu lãi vượt quá theo quy định của pháp luật (tiền thu lợi bất chính). Chị Nguyễn Thị Hoài T và bị cáo Nguyễn Minh Đ trình bày, chị T đã trả lại cho bị cáo 30.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 30.000.000 đồng tiền gốc chưa trả.

Cáo trạng số 18/CT-VKSCL-HS ngày 08/4/2024, * MERGEFORMAT Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc truy tố bị cáo Nguyễn Minh Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 32, khoản 1, 3 Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo từ 200.000.000 đồng đến 220.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu số tiền bị cáo Nguyễn Minh Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội 210.000.000 đồng và tiền phát sinh từ tội phạm mà có 16.997.259 đồng, tổng cộng là 226.997.259 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước. Chị Nguyễn Thị Hoài T, Trần Thị A và chị Nguyễn Thị L có đơn không yêu cầu trả lại số tiền lãi đã thu vượt quá quy định của pháp luật nên không xem xét. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 30.000.000 đồng tại chị Nguyễn Thị Hoài T (số tiền đã vay Nguyễn Minh Đ nhưng chưa trả). Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp vật chứng thu giữ, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, thời gian, địa điểm phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 19/01/2023 đến ngày 23/01/2024, tại xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyễn Minh Đ cho Nguyễn Thị L

vay tổng số tiền là 10.000.000 đồng với mức lãi suất 15%/01 tháng tương ứng 180%/01 năm, cao gấp 9 lần của mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự; cho **Nguyễn Thị Hoài T** vay 03 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng, trong đó 15.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng tương đương 120%/01 năm và 45.000.000 đồng với lãi suất 15%/01 tháng, tương đương 180%/01 năm (cao gấp từ 6 đến 9 lần của mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự), cho **Trần Thị A** vay 10 lần với tổng số tiền 170.000.000 đồng đều với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương 182.5%/1 năm, cao gấp 9,1 lần của mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền **Nguyễn Minh Đ** cho vay là 240.000.000đ. Tổng số tiền lãi theo cam kết mà **Nguyễn Thị L**, **Nguyễn Thị Hoài T**, **Trần Thị A** phải trả cho **Nguyễn Minh Đ** là 150.975.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định pháp luật là 17.473.974 đồng (không quá 20%/năm); số tiền **Nguyễn Minh Đ** thu lợi bất chính 133.501.026 đồng, số tiền lãi bất chính đã thu được là 129.376.026 đồng và chưa thu được là 4.125.000 đồng (do bị phát hiện, ngăn chặn). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự, do đó Cáo trạng số 18/CT-VKSCL-HS ngày 08/4/2024 của **L1**.Document.12 "D:\\BICH DAO\\AN HÌNH SỰ 2022\\Án HSST **Tôn Đức K** - vi phạm giao thông.docx" "OLE_LINK1" \\a\\r *MERGEFORMAT Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần phải xem xét xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có ông nội là liệt sĩ nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo có nhân thân tốt, hành vi phạm tội không thuộc trường hợp có tổ chức và băng, ổ nhóm, không có tính chất chuyên nghiệp, do đó căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm để trở thành công dân tốt. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Liên quan đến vụ án: chị **Trần Thị Q** là vợ của bị cáo **Nguyễn Minh Đ**, quá trình **Đ** sử dụng tiền là tài sản chung của vợ chồng để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì **Đ** không hỏi ý kiến chị **Q** và chị **Q** không biết về việc **Đ** cho vay lãi nặng. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với **Trần Thị Q** là có căn cứ.

[7] Biện pháp tư pháp: Số tiền 240.000.000 đồng bị cáo sử dụng cho vay lãi nặng là phương tiện phạm tội, cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể tịch thu tại bị cáo 210.000.000 đồng, tịch thu tại chị **Nguyễn Thị Hoài T** 30.000.000 đồng (tiền vay của bị cáo nhưng chưa trả lại). Đối với khoản tiền lãi bị cáo đã thu trong phạm vi pháp luật cho phép (20%/năm) là 16.997.259 đồng, là khoản tiền phát sinh từ phạm tội mà có nên buộc bị cáo phải nộp lại để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với khoản tiền lãi vượt quá phạm vi pháp luật cho phép (trên 20%/năm), đây là khoản tiền thu lợi bất chính nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay, tuy nhiên chị **Nguyễn Thị Hoài T**, chị **Trần Thị A** và chị **Nguyễn Thị L** có đơn không yêu cầu trả lại số tiền lãi đã thu vượt quá quy định của pháp luật nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu trắng, số Imei: 352850796286146 của **Nguyễn Minh Đ** gắn thẻ sim số 0372.38.6789 và Esim số 0376.368.696.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 32, khoản 1, 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh Đ** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh Đ** số tiền **200.000.000 đồng** (hai trăm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền bị cáo **Nguyễn Minh Đ** sử dụng làm phương tiện phạm tội và tiền phát sinh từ tội phạm mà có, tổng cộng là 226.997.259 đồng (chưa thu).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 30.000.000 đồng tại người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thị Hoài T** (chưa thu).

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu trắng, số Imei: 352850796286146 của **Nguyễn Minh Đ** gắn thẻ sim số 0372.386.789 và Esim số

0376.368.696. Đặc điểm vật chứng có tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Minh Đ** phải nộp 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp Hà Tĩnh;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THAHS Công an huyện Can Lộc;
- VKSND huyện Can Lộc;
- Chi cục THADS huyện Can Lộc;
- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Đào